TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 08/2022/HSST
Ngày 24 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:** Ông **Đinh Công Hiến** và ông **Đinh Duy Quyết**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Hồng Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/HSST ngày 07/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kiều V *(Tên gọi khác: Không)*, sinh năm 1991; tại tỉnh N; nơi cư trú thôn P, xã G, huyện V, tỉnh N; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Huy Q và bà Vũ Thị L; có chồng Phạm Bá C và có 03 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/04/2021 đến ngày 25/04/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt.

2. Trần Văn H *(Tên gọi khác: Không),* sinh năm 1999; tại tỉnh N; nơi cư trú thôn Bãi L, xã T, huyện Q, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lễ tân nhà nghỉ; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Bùi Thị T; vợ con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC ngày 29/01/2018, Công an huyện D, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 5.000.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác". Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/04/2021 đến ngày 25/04/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1994; nơi cư trú thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Y. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chị **Lò Thị T1,** sinh năm 1994; nơi cư trú Bản Lìm T, xã C, huyện M, tỉnh Y. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chị **Lò Thị T2,** sinh năm 1994; nơi cư trú Bản Lìm T, xã C, huyện M, tỉnh Y. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chị **Khuất Thị Kim C,** sinh năm 1990; nơi cư trú Khu 12, xã V, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1995; nơi cư trú Khu 8, xã S, huyện C, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chị **Nguyễn Thị M,** sinh năm 1988; nơi cư trú thôn 3, xã T, huyện V, tỉnh Q. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Đỗ Văn T3,** sinh năm 1984; nơi cư trú xóm 8, thôn V, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1978; nơi cư trú thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Đỗ Văn C1,** sinh năm 1987; nơi cư trú xóm 9, xã Â, huyện K, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Phạm Văn C2,** sinh năm 1991; nơi cư trú thôn H, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Phạm Văn D,** sinh năm 1996; nơi cư trú xóm 7, xã Khánh T, huyện K, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh **Quàng Văn H1,** sinh năm 1998; nơi cư trú bản Bó L, xã M, huyện T, tỉnh Đ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Ông **Nguyễn Huy Q,** sinh năm 1960; nơi cư trú thôn X, xã L, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

***Người làm chứng:**

Anh **Quàng Văn H2**, anh **Quàng Văn L1,** anh **Cà Văn T4** (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ông Nguyễn Huy Q có đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú là chủ nhà nghỉ "030", có địa chỉ tại thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N. Năm 2017, ông Q giao toàn bộ việc kinh doanh nhà nghỉ "030" cho con gái là Nguyễn Thị Kiều V. Từ ngày 17/3/2021, V thuê Trần Văn H làm lễ tân nhà nghỉ với tiền lương 5.000.000đ/tháng.

Khoảng giữa tháng 4 năm 2021, Nguyễn Thị Kiều V đã nuôi 06 gái mại dâm là Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, nơi cư trú thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh H; Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, nơi cư trú khu 8, xã S, huyện C, tỉnh P; Khuất Thị Kim C, sinh năm 1990, nơi cư trú khu 12, xã V, huyện T, tỉnh P; Nguyễn Thị M, sinh năm 1988, nơi cư trú thôn 3, xã T, huyện Vân Đ, tỉnh Q; Lò Thị T2, sinh năm 1994 và Lò Thị T1, sinh năm 1994, đều có nơi cư trú bản L, xã C, huyện M, tỉnh Y để khi có khách mua dâm thì bán dâm cho khách ngay tại nhà nghỉ. Nguyễn Thị Kiều V thỏa thuận với gái bán dâm mỗi lượt khách đến mua dâm thì V sẽ thu 300.000 đồng/lượt, V hưởng số tiền là 200.000 đồng/lượt, người bán dâm được hưởng số tiền là 100.000 đồng/lượt; trường hợp bán dâm qua đêm có giá 800.000đ/người/đêm, V hưởng số

tiền là 400.000 đồng/lượt, người bán dâm được hưởng số tiền là 400.000đ/lượt bán dâm. Quá trình kinh doanh hoạt động mại dâm tại nhà nghỉ "030", V là người trực tiếp thu tiền của khách mua dâm. Sau đó V cử H sắp xếp phòng và gọi gái mại dâm lên phòng thực hiện việc bán dâm. Mỗi lần thực hiện việc bán dâm như vậy H sẽ nhắn tin qua mạng xã hội Messenger cho V tên gái mại dâm, số phòng nơi người đó bán dâm để V ghi nhận, làm căn cứ để thanh toán tiền với người bán dâm. Ngoài ra, khi V đi vắng thì H trực tiếp thu tiền, xếp phòng và điều gái mại dâm lên phòng để bán dâm cho khách. Cuối ngày H sẽ giao toàn bộ số tiền H thu được từ khách mua dâm cho V.

Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2021, Đỗ Văn T3 và Nguyễn Văn L đến nhà nghỉ "030" gặp Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H tại quầy lễ tân để thỏa thuận mua dâm. T3 đưa cho H số tiền 600.000 đồng. Sau đó, lần lượt có anh Đỗ Văn C1, anh Phạm Văn D và anh Phạm Văn C2 đến nhà nghỉ để mua dâm, H đã thu của mỗi người 300.000đ tiền mua dâm. Ngoài ra, lúc này còn có các anh Quàng Văn H1, Quàng Văn H2, Quàng Văn L1 và Cà Văn T4 đến nhà nghỉ thỏa thuận mua dâm. Quàng Văn H1 đưa cho V số tiền 1.000.000đ để mua dâm. Do không có tiền lẻ trả lại nên V đã đưa cả số tiền 1.000.000 đồng cho H, H trả lại 100.000 đồng cho H1 và đưa H1 lên phòng nghỉ, còn H2, L1 và T4 ngồi chờ ở ghế sô pha ở quầy lễ tân. Trong quá trình đón và thu tiền của những người mua dâm trên, Trần Văn H đã sắp xếp cho Đỗ Văn T3 vào mua dâm tại phòng 306 với Nguyễn Thị M; Nguyễn Văn L vào mua dâm tại phòng 305 với Khuất Thị Kim C; Đỗ Văn C1 vào mua dâm tại phòng 304 với Nguyễn Thị N; Phạm Văn D vào mua dâm tại phòng 303 với Nguyễn Thị T; Phạm Văn C2 vào mua dâm tại phòng 301 với Lò Thị T1; Quàng Văn H1 vào mua dâm tại phòng 205 với Lò Thị T2. Đến khoảng 21 giờ 25 phút ngày cùng ngày, khi 6 đôi nam, nữ đang thực hiện hành vi mua, bán dâm thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại phòng 303 của nhà nghỉ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su, trên mặt vỏ có chữ nước ngoài; tại phòng 304 của nhà nghỉ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 07 bao cao su chưa sử dụng, trên mặt vỏ có chữ nước ngoài của Nguyễn Thị N; tại phòng 306 của nhà nghỉ 03 bao cao su chưa sử dụng, trên mặt vỏ có chữ nước ngoài của Nguyễn Thị M; tại phòng 301 của nhà nghỉ 03 bao cao su chưa sử dụng, trên mặt vỏ có chữ nước ngoài của Lò Thị T1; tại phòng 205 của nhà nghỉ 01 bao cao su đã bị bóc vỏ bên ngoài. Thu giữ của Trần Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI *******, trong máy lắp thẻ sim số 086261****, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và số tiền 11.800.000 đồng do H giao nộp; thu của Nguyễn Thị Kiều V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI 359237****, trong máy lắp thẻ sim điện thoại số 09628****, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Nguyễn Thị Kiều V tại nhà nghỉ "030" đã phát hiện, thu giữ tại ngăn tủ quầy lễ tân 36 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng, trong đó có 25 chiếc tại vỏ có chữ "VIP", 11 chiếc có chữ "WM'S" và 01 quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú, tên cơ sở kinh doanh là "030".

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H còn khai nhận trước đó đã để gái bán dâm bán dâm tại nhà nghỉ "030" tổng số 99 lần và 02 lần qua đêm, Nguyễn Thị Kiều V thu lời bất chính tổng số tiền 31.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-GV ngày 07/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố ***Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội **"Chứa mại dâm"**, theo điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H*** phạm tội **"Chứa mại dâm"**. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều V từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/4/2021 đến 25/4/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; Phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù, (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/4/2021 đến 25/4/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 33.700.000 đồng do thu lợi bất chính mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI 35923763****, trong máy lắp thẻ sim điện thoại số 09628****, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Kiều V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI 353104*****, trong máy lắp thẻ sim số 086*****, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn H, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 05 phong bì niêm phong bên trong có: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su thu tại phòng 303; 01 bao cao su đã qua sử dụng và 07 bao cao su chưa sử dụng của Nguyễn Thị N thu tại phòng 304; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Nguyễn Thị M tại phòng 306; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Lò Thị T1 tại phòng 301; 01 bao cao su đã bóc vỏ bên ngoài thu tại phòng 205, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo **Trần Văn H** số tiền 2.200.000 đồng, là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Chứa mại dâm" là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo V tự nguyện giao nộp số tiền 24.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V là số tiền thu lời bất chính. Bị cáo H tự nguyện giao nộp số tiền 11.800.000 đồng cho Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N trong đó có 9.600.000 đồng là tiền mua bán dâm, còn lại số tiền 2.200.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Khuất Thị Kim C, Nguyễn Thị M, Lò Thị T2 và Lò Thị T1 trong quá trình điều tra trình bày: Khoảng giữa tháng 04/2021 Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Khuất Thị Kim C, Nguyễn Thị M, Lò Thị T2 và Lò Thị T1 và Nguyễn Thị Kiều V là người quản lý nhà nghỉ "030" thỏa thuận với nhau T, N, C, M, T1, T2 bán dâm cho khách mua dâm tại nhà nghỉ "030", mỗi lần bán dâm Nguyễn Thị Kiều V thu của khách mua dâm 300.000 đồng/lượt, V hưởng số tiền là 200.000 đồng/lượt, người bán dâm được hưởng số tiền là 100.000 đồng/lượt; trường hợp bán dâm qua đêm có giá 800.000đ/người/đêm, người bán dâm được hưởng số tiền là 400.000 đồng, số tiền còn lại V hưởng để lo chỗ ăn ở cho người bán dâm. Khi có khách mua dâm thì có Trần Văn H sắp xếp phòng và gọi gái mại dâm lên phòng thực hiện việc bán dâm. Ngày 22/4/2021 Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Khuất Thị Kim C, Nguyễn Thị M, Lò Thị T2 và Lò Thị T1 đang bán dâm cho khách tại các phòng 205, 301, 303, 304, 305 và 306 nhà nghỉ "030" thì bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N phát hiện bắt quả tang. V và những người bán dâm chưa thanh toán tiền cho nhau.

Anh Đỗ Văn T3, Nguyễn Văn L, Đỗ Văn C1, Phạm Văn C2, Phạm Văn D và Quàng Văn H1 trong quá trình điều tra trình bày: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/4/2021, Đỗ Văn T3, Nguyễn Văn L, Đỗ Văn C1, Phạm Văn C2, Phạm Văn D và Quàng Văn H1 đến nhà nghỉ "030" gặp V và H tại quầy lễ tân để thỏa thuận mua dâm. H thu của T3 số tiền 600.000 đồng, thu của C1, D, C2 mỗi người 300.000 đồng, thu của H1 900.000 đồng. Sau đó Trần Văn H, sắp xếp cho T3 vào mua dâm tại phòng 306; L vào mua dâm tại phòng 305; C1 vào mua dâm tại phòng 304; D vào mua dâm tại phòng 303; C2 vào mua dâm tại phòng 301 và H1 vào mua dâm tại phòng 205 của nhà nghỉ. Đến khoảng 21 giờ 25 phút cùng ngày, khi các đối tượng trên đang mua bán dâm thì bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N phát hiện bắt quả tang.

Ông Nguyễn Huy Q trong quá trình điều tra trình bày: Ông có đăng ký kinh doanh là chủ nhà nghỉ "030", có địa chỉ tại thôn X, xã G, huyện V. Do không có nhu cầu kinh doanh nên khoảng năm 2017, ông Q giao toàn bộ việc kinh doanh nhà nghỉ "030" cho con gái là Nguyễn Thị Kiều V. Sau đó Vân đã sử dụng nhà nghỉ để chứa

mại dâm. Ông không biết việc V sử dụng nhà nghỉ "030" để chứa mại dâm, sau khi vụ án xảy ra ông mới biết.

Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 00 phút ngày 22/04/2021, tại nhà nghỉ "030" ở thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H đã có hành vi thu 1.800.000 đồng của Đỗ Văn T3, Nguyễn Văn L, Đỗ Văn C1, Phạm Văn C2, Phạm Văn D và Quàng Văn H1; rồi sử dụng nhà nghỉ do mình quản lý để Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Khuất Thị Kim C, Nguyễn Thị M, Lò Thị T2 và Lò Thị T1 bán dâm cho Đỗ Văn T3, Nguyễn Văn L, Đỗ Văn C1, Phạm Văn C2, Phạm Văn D và Quàng Văn H1 đến khoảng 21 giờ 25 phút cùng ngày, bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo V còn khai nhận trước đó đã để gái bán dâm tại nhà nghỉ "030" thu lời bất chính tổng số tiền 31.900.000 đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 327. Tội Chứa mại dâm

"1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H đã nêu trên là phạm tội "Chứa mại dâm" được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm vào trật tự, an toàn công cộng; mà còn tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, cá nhân, có thể là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm, gây bất bình trong quần chúng nhân dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Nguyễn Thị Kiều V là người quản lý, trực tiếp kinh doanh nhà nghỉ "030" đã nuôi gái mại dâm để bán dâm, nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, Nguyễn Thị Kiều V xếp vai trò đầu trong vụ án. Đối với Trần Văn H là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực. Do vậy, bị cáo H xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo V là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lời bất chính; bị cáo H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V không có tiền án, tiền sự; bị cáo Trần Văn H từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của các bị

cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V còn phải chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo Trần Văn H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo H, theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

[11]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su thu tại phòng 303; 01 bao cao su đã qua sử dụng và 07 bao cao su chưa sử dụng của Nguyễn Thị N thu tại phòng 304; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Nguyễn Thị M tại phòng 306; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Lò Thị T1 tại phòng 301; 01 bao cao su đã bóc vỏ bên ngoài thu tại phòng 205, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 11.800.000 đồng bị cáo Trần Văn H tự nguyện giao nộp, trong đó có 9.600.000 đồng do thu lợi bất chính mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; còn lại số tiền 2.200.000 đồng là tài sản hợp pháp của H, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, cần trả lại cho bị cáo H. Tuy nhiên vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 24.100.000 đồng Nguyễn Thị Kiều V tự nguyện nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001843 ngày 13/01/2022, cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh N. Số tiền này do thu lợi bất chính mà có. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI 359237*****, trong máy lắp thẻ sim điện thoại số 0962*****, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Kiều V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI 353104****, trong máy lắp thẻ sim số 0862****, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn H, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú và 36 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng thu giữ tại quầy lễ tân, trong đó có 25 chiếc tại vỏ có chữ "VIP", 11 chiếc có chữ "WM'S". Quá trình điều tra xác định tài sản trên là của Nguyễn Thị Kiều V không sử dụng vào việc mua, bán dâm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho Nguyễn Thị Kiều V, là phù hợp.

[12]. Đối với các đối tượng mua, bán dâm gồm: Đỗ Văn T3, Nguyễn Văn L, Đỗ Văn C1, Phạm Văn C2, Phạm Văn D, Quàng Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Khuất Thị Kim C, Nguyễn Thị M, Lò Thị T1 và Lò Thị T2. Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với ông Nguyễn Huy Q là chủ sở hữu nhà nghỉ "030", cũng là người đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú tại nhà nghỉ. Quá trình điều tra xác định do Nguyễn Thị Kiều V không có việc làm nên năm 2017 ông Q đã cho V kinh doanh nhà nghỉ để có thu nhập. Việc Vân nuôi gái bán dâm tại nhà nghỉ ông Q không biết và cũng không được lợi gì từ hoạt động mại dâm nói trên. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với ông Nguyễn Huy Q.

[13] ***Về án phí***: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Văn H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, cần miễn án phí cho bị cáo H.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Thị Kiều V và Trần Văn H*** phạm tội "***Chứa mại dâm***".

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kiều V** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù. (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/4/2021 đến ngày 25/4/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (Mười triệu) sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 05 (Năm) năm tù. (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/4/2021 đến ngày 25/4/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 33.700.000 đồng do thu lợi bất chính mà có, trong đó gồm: (số tiền 9.600.000 đồng, trong tổng số 11.800.000 đồng bị cáo Trần Văn H tự nguyện giao nộp cho Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N, số tiền 24.100.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001843 ngày 13/01/2022, cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh N) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI 35923*****, trong máy lắp thẻ sim điện thoại số 0962****, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Kiều V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI 353104****, trong máy lắp thẻ sim số 0862*****, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn H, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 05 phong bì niêm phong bên trong có: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su thu tại phòng 303; 01 bao cao su đã qua sử dụng và 07 bao cao su chưa sử dụng của Nguyễn Thị N thu tại phòng 304; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Nguyễn Thị M tại phòng 306; 03 bao cao su chưa sử dụng thu của Lò Thị T2 tại phòng 301; 01 bao cao su đã bóc vỏ bên ngoài thu tại phòng 205, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo **Trần Văn H** số tiền 2.200.000 đồng (Trong tổng số 11.800.000 đồng bị cáo Trần Văn H tự nguyện giao nộp cho Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh N), là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền 9.600.000 đồng tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước và số tiền 2.200.000 đồng trả lại cho bị cáo H gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/01/2022, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:*** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn H;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành